

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng L, sinh năm 2003.

Căn cước công dân số: 019303011062.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Q, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Bùi Quốc T, sinh năm 1997.

Căn cước công dân số: 019097001296.

Địa chỉ: Xóm M, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/11/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Hồng L và anh Bùi Quốc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng L và anh Bùi Quốc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Hồng L tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm (cả phần của nguyên đơn và bị đơn theo luật) là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0001710 ngày 23 tháng 10 năm 2025; số tiền tạm ứng án phí còn lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), hoàn trả lại cho chị Nguyễn Hồng L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Thái Nguyên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên (Đăng ký kết hôn số 62, ngày 20/10/2023);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Trường Giang**

- Về con chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận chị Vũ Thị Thu H trực tiếp nuôi con chung là Trịnh Bảo T1 – sinh 13/10/2016. Anh Trịnh Thế D có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng cho chị H là 1.000.000đ (một triệu)/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Anh Duy được quyền đi lại thăm nom con chung.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định.

- Về tài sản chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

- Án phí: Hai bên thỏa thuận chị H chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. (Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004188 ngày 08 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

